

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 17/2018/DS-PT
Ngày: 07-8-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Hà;

Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Dinh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2018/TLPT-DS ngày 28 tháng 5 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **33/2018/QĐXXPT-DS** ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ch (Tr), sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn T Th, xã H M, huyện H H, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn T X, xã H M, huyện H H, tỉnh Thái Bình

3. Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T X, xã H M, huyện H H, tỉnh Thái Bình

4. Người kháng cáo: bị đơn bà Bùi Thị H

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ch trình bày: Bà và bà H có mối quan hệ bạn bè thân thiết. Do bà H cần tiền để mua đất nên bà H đã hỏi vay tiền bà Ch, bà Ch đồng ý cho vay. Ngày 24/8/2015, bà Ch đã giao cho bà H số tiền 180.000.000 đồng và có viết giấy biên nhận (giấy biên nhận do bà H tự tay viết), trong giấy

biên nhận có ghi trả lãi suất nhưng không ghi cụ thể lãi suất bao nhiêu. Bà Ch trình bày nếu bà H vay vài tháng thì bà Ch không yêu cầu tính lãi nhưng do bà H vay thời gian dài và không có ý thức trả nợ cả gốc lẫn lãi nên bà Ch khởi kiện yêu cầu bà H phải trả cho bà Ch toàn bộ tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và toàn bộ số tiền lãi của số tiền trên kể từ tháng 8 năm 2015 đến nay theo lãi suất của Ngân hàng nhà nước quy định.

- Bị đơn, bà Bùi Thị H trình bày: Bà và bà Ch có quan hệ bạn bè. Bà H khẳng định bà H không vay số tiền 180.000.000 đồng như bà Ch trình bày. Sự việc vay tiền theo giấy biên nhận ngày 24/8/2015 là do bà H có quen biết bà Đ (giáo viên trường Trung học cơ sở xã ĐS, huyện ĐH, hiện bà Đ đã chết) nên giới thiệu bà Đ với bà Ch. Ngày 24/8/2015 bà Ch và bà Đ hẹn nhau để bà Ch đưa cho bà Đ số tiền 180.000.000 đồng để bà Đ chạy việc cho con dâu bà Ch vào biên chế. Do trưa ngày hôm đó bà Đ bận không đến gặp bà Ch để lấy tiền được nên bà Đ nhờ bà gặp bà Ch để lấy tiền hộ. Bà có nhận của bà Ch 180.000.000 đồng và có viết giấy nhận hộ tiền với bà Ch, sau đó bà đã đưa lại toàn bộ số tiền đó cho bà Đ vào ngày 25/8/2015, giữa bà Đ và bà có viết giấy biên nhận vay tiền. Bà H cho rằng giấy biên nhận ghi ngày 24/8/2015 do bà Ch nộp cho Tòa án không phải là chữ ký và chữ viết của bà. Nếu kết quả giám định là đúng chữ ký và chữ viết của bà trong giấy biên nhận thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Người làm chứng, chị Nguyễn Thị H trình bày: ngày 24/8/2015, chị đi cùng mẹ chồng chị là bà Nguyễn Thị Ch đi xuống nhà bà H ở thôn Tịnh Xuyên, xã H M để giao cho bà H vay số tiền 180.000.000 đồng. Sau khi nhận xong số tiền trên bà H đã viết giấy biên nhận vay tiền và cả hai bên cùng ký tên bên dưới, chị cũng ký tên vào Giấy biên nhận ở mục người chứng kiến. Chị khẳng định không có việc chị và mẹ chồng chị nhờ bà H hay bà Đ chạy việc vào biên chế như bà H trình bày.

Tại bản kết luận số 04/KLGD-PC 54 ngày 01/02/2018 kết luận: Chữ viết trên “Giấy biên nhận” đề ngày 24/8/2015 có ký hiệu A so với chữ viết của Bùi Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M7 do cùng một người viết ra. Tại bản kết luận số 11/KLGD – PC 54 ngày 26/02/2018 kết luận: Chữ ký mang tên Bùi Thị H dưới mục “Người vay” trên “Giấy biên nhận” đề ngày 24/8/2015 có bút lục I so với chữ ký của Bùi Thị H tại cột “Tên giáo viên dạy” trên tài liệu mẫu so sánh có bút lục X (ký hiệu M) do cùng một người ký ra.

- Bản án số 03/2018/DS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện HH, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147; Điều 161; Điều 162; Điều 267 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471; Điều 473; Điều 474; Điều 476; Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005; Quyết định 2868/QĐ-

NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ch (Tr) đối với bị đơn bà Bùi Thị H.

2. Buộc bà Bùi Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ch toàn bộ số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và lãi tạm tính đến ngày 24/4/2018 là 43.200.000 đồng. Tổng là 223.200.000 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng chẵn).

3. Buộc bà Bùi Thị H phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ch tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo cho các đương sự và quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Ngày 30/4/2018, bà Bùi Thị H kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Bùi Thị H làm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, cần chấp nhận

[2] Xét các nội dung kháng cáo của bị đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H thừa nhận ngày 24/8/2015 bà Ch có đến nhà bà đưa số tiền 180 triệu và bà có viết giấy nhận hộ số tiền trên (không phải giấy biên nhận) của bà Ch, đây là số tiền bà Ch giao cho bà Đ để lo xin việc cho con dâu bà Ch là Nguyễn Thị H bà chỉ nhận hộ bà Đ, ngày hôm sau (25/8/2015) bà đã giao luôn số tiền đó cho bà Đ, bà Đ viết

biên nhận với bà. Bà H cho rằng bản gốc giấy biên nhận tiền ngày 24/8/2015 lưu trong hồ sơ không phải là giấy biên nhận bà đã viết cho bà Ch. Xét lời trình bày của bà H thấy bà H thừa nhận ngày 24/8/2015 có nhận của bà Ch số tiền 180 triệu đồng, có viết biên nhận và tại kết luận số 04/KLGD-PC 54 ngày 01/02/2018 và số 11/KLGD – PC 54 ngày 26/02/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình kết luận chữ ký và chữ viết trong giấy biên nhận đúng là chữ ký và chữ viết của bà H. Bà H không đồng ý với kết luận giám định nhưng không yêu cầu giám định lại. Bà H thừa nhận các tài liệu mà cơ quan chuyên môn dùng làm mẫu so sánh để giám định chữ ký, chữ viết của bà trong giấy biên nhận ngày 24/8/2015 bao gồm các phiếu đánh giá phân loại viên chức, sổ đầu bài do Trường Tiểu học Lý Nam Đế cung cấp đúng là chữ viết và chữ ký của bà. Do đó khẳng định có việc vay tiền giữa bà Ch với bà H và bà H là người viết, ký vào giấy biên nhận vay tiền của bà Ch. Việc bà H cho rằng thực chất đây là số tiền bà nhận hộ bà Ch để giao cho bà Đ nhờ xin việc cho chị H nhưng bà Ch không thừa nhận và bà H cũng không có căn cứ nào khác để chứng minh. Do đó án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà H phải thanh toán cho bà Ch số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng là hoàn toàn phù hợp có căn cứ. Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Việc bà H cho bà Đ vay tiền là một quan hệ khác không liên quan đến vụ án này.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: Trong giấy biên nhận vay tiền ngày 14/8/2015 có ghi về lãi suất nhưng không ghi cụ thể mức lãi suất. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định lãi suất cơ bản là 9%/năm, tương ứng với 0,75%/tháng và căn cứ vào khoản 2 Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 để tính lãi là phù hợp. Không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

[2.3] Về chi phí tố tụng: bà H không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận và kết quả giám định xác định đúng là chữ ký, chữ viết của bà H nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 161, 162 Bộ luật tố tụng dân sự buộc bà H phải chịu chi phí giám định là phù hợp.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 148; khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 471; 473; 474; 476; 477 Bộ luật dân sự 2005; khoản 4 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí

Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị H; Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2018/DS-ST ngày 24/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Thái Bình.

1.1. Buộc bà Bùi Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Ch số tiền nợ gốc là 180.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 24/4/2018 là 43.200.000 đồng. Tổng cộng là 223.200.000 đồng (Hai trăm hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).

1.2. Buộc bà Bùi Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Ch tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Bà Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Chuyển số tiền 300.000đ bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0005155 ngày 03/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H H, tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 07/8/2018./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục THADS h H H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Hải Yến

